

CÔNG TY CỔ PHẦN CASH LUXURY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CASH LUXURY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CASH LUXURY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CASH LUXURY .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108440006

3. Ngày thành lập: 19/09/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11, lô 5, liền kề An Lạc – Phùng Khoang, phố Phùng Khoang, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02422.388.388

Fax:

Email: cashluxurygroup@gmail.com

Website: cashluxury.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
2.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
3.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
4.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh lữ hành - Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế	7912
5.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
7.	Giáo dục nhà trẻ	8511
8.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
9.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
10.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
11.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
12.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
13.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
14.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
15.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511

16.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
17.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18.	Cho thuê xe có động cơ (trừ hoạt động đầu giá)	7710
19.	Đại lý du lịch	7911
20.	Giáo dục mẫu giáo	8512
21.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
22.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
23.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
24.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	4659
26.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.	4661
27.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
28.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
29.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
30.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
31.	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa	6612
32.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư; Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp; Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (trừ lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm)	6619
33.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; - Kinh doanh Bất động sản.	6810(Chính)
34.	Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quản lý bất động sản.	6820
35.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

36.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
37.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
38.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
39.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
40.	Giáo dục tiểu học	8521
41.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
42.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
43.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
44.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
45.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
46.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
47.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc; - Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu; - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy; - Lập quy hoạch xây dựng; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước; Khảo sát xây dựng; Lập thiết kế, dự toán; thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Giám sát thi công xây dựng; Thi công xây dựng công trình; Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng; - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng; - Hoạt động quan trắc môi trường; - Tư vấn giám sát, đánh giá dự án đầu tư	7110
48.	Đào tạo sơ cấp	8531
49.	Đào tạo trung cấp	8532
50.	Đào tạo cao đẳng	8533
51.	Đào tạo thạc sỹ	8542
52.	Đào tạo tiến sỹ	8543

53.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
54.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
55.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
56.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
57.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
58.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
59.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
60.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4520
61.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
62.	Bán buôn thực phẩm	4632
63.	Bán buôn đồ uống	4633
64.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
65.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
66.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
67.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
68.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	4932
69.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay.	5229
71.	Xây dựng công trình thủy	4291
72.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
73.	Phá dỡ	4311
74.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
75.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
76.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đấu giá)	4512
77.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
78.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
79.	Khai thác quặng sắt	0710

80.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
81.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
82.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
83.	Khai thác muối	0893
84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
85.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Chế biến và bảo quản thịt	1010
86.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	1020
87.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
88.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
89.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
90.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
91.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
92.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
93.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
94.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
95.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
96.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
97.	Xây dựng nhà để ở	4101
98.	Xây dựng nhà không để ở	4102
99.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
100.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
101.	Xây dựng công trình điện	4221
102.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
103.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
104.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
105.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
106.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
107.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
108.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
109.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
110.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
111.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
112.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
113.	Đào tạo đại học	8541

114.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
115.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
116.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
117.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
118.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
119.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
120.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
121.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

6. Vốn điều lệ: 21.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	DƯƠNG SƠN CA	Tổ 12, Thị trấn Sa Pa, Huyện Sa Pa, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	14,286	063573987	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	14,286		
2	NGUYỄN CÔNG TRÌNH	Thôn Công Hà, Xã Hà Mãn, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	2,857	125056559	
			Tổng số	60.000	600.000.000	2,857		
3	NGUYỄN THỊ HUỆ	Đội 12 Bờ Ngạn, Xã Nghĩa Sơn, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	2,857	162873882	
			Tổng số	60.000	600.000.000	2,857		
4	ĐOÀN THỊ MÙA	Thôn Sứy Nẻo, Xã Bắc Hưng, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	2,857	031701771	
			Tổng số	60.000	600.000.000	2,857		
5	TRẦN THỊ LAN ANH	Số 777, Trần Thái Tông, Phường Lộc Vượng, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	1,429	0361870042 41	
			Tổng số	30.000	300.000.000	1,429		

6	NGUYỄN QUANG HUY	5 N25, tập thể Bộ tư lệnh cảnh vệ, tổ 5, cụm 1, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	1,429	012550466	
			Tổng số	30.000	300.000.000	1,429		
7	NGUYỄN ANH MINH	Tổ 2, phố Phú Vinh, Thị trấn Phát Diệm, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	0,714	037085001369	
			Tổng số	15.000	150.000.000	0,714		
8	NGÔ BẢO DIỆP	Số 2, Đ19, Phường Đồng Quốc Bình, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	2,857	031084001280	
			Tổng số	60.000	600.000.000	2,857		
9	LÊ THỊ THỦY	Đội 5-Mai Trang, Xã Vạn Thắng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	2,857	017236895	
			Tổng số	60.000	600.000.000	2,857		
10	TRẦN KHẮC THÀNH	Số 77, ngõ Trại Tóc, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	7,143	013578888	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	7,143		
11	PHAN HỒNG SƠN	Tổ dân phố Hạ 9, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	7,143	040082000738	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	7,143		
12	NGUYỄN SINH ĐỨC	Tổ 15B, cụm 4, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	0,714	074078000001	
			Tổng số	15.000	150.000.000	0,714		
13	HOÀNG THỊ HƯỜNG	P508, khu nhà ở Bắc Linh Đàm MR X2, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	1,429	022185000026	
			Tổng số	30.000	300.000.000	1,429		
14	ĐẶNG THỊ THU HƯỜNG	Số 200 Lương Thế Vinh, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	0,714	001188015947	
			Tổng số	15.000	150.000.000	0,714		

15	NGUYỄN TRỌNG GIÁP	Thôn Áng Phao, Xã Cao Dương, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	0,714	111524628	
			Tổng số	15.000	150.000.000	0,714		
16	DƯƠNG PHÚC TÙNG	Xóm 1-Long Phú, Xã Hòa Thạch, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	7,143	B2734807	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	7,143		
17	NGUYỄN THỊ HẠNH	P205-D4, tập thể Phường Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	7,143	011510362	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	7,143		
18	PHẠM THỊ SÂM	Ga Trung Giã, Xã Trung Giã, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	7,143	012038392	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	7,143		
19	NGUYỄN THỊ MINH THU	Số 50 Thái Thịnh, tổ 8A, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	2,857	011575180	
			Tổng số	60.000	600.000.000	2,857		
20	ĐẶNG VĂN DŨNG	P504-CT8D, khu đô thị Dương Nội, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	1,429	017533225	
			Tổng số	30.000	300.000.000	1,429		
21	KHUƠNG THỊ LAN	Thôn Nghĩa Thắng, Xã Đông Cứu, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	2,857	125507732	
			Tổng số	60.000	600.000.000	2,857		
22	NGUYỄN VĂN SƠN	Thôn Đình Xá, Xã Nguyệt Đức, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	2,857	026082001982	
			Tổng số	60.000	600.000.000	2,857		
23	NGUYỄN THỊ DUNG	Thôn 5, Xã Thiệu Dương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	1,429	173070753	
			Tổng số	30.000	300.000.000	1,429		
24	PHAN TRỌNG VIỆT	Khối 6, Phường Hà Huy Tập, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	7,143	182037529	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	7,143		

25	NGUYỄN BÁ MINH	Thôn Đài Hoa, Thị trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	1,429	001085003436	
			Tổng số	30.000	300.000.000	1,429		
26	TRƯƠNG THỊ THÙY	Thôn Giao Lâm, Phường Huyền Tung, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	1,429	095036913	
			Tổng số	30.000	300.000.000	1,429		
27	NGUYỄN TUẤN THANH	Số 27A, ngách 42/291 Lạc Long Quân, tổ 5, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	0,714	001086019377	
			Tổng số	15.000	150.000.000	0,714		
28	LÊ THÚY NGỌC	Số 33, Hàng Đường, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	0,714	011756317	
			Tổng số	15.000	150.000.000	0,714		
29	NGUYỄN MINH ĐỨC	Đội 11, thôn Dưỡng Mông, Xã Ngũ Phúc, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	0,714	142455538	
			Tổng số	15.000	150.000.000	0,714		
30	NGUYỄN ĐĂNG DANG	Xóm Phú Cường, Xã Lương Sơn, Huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	2,857	132179872	
			Tổng số	60.000	600.000.000	2,857		
31	NGUYỄN THU HẰNG	Số 78 ngõ Văn Chương, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	1,429	001176010085	
			Tổng số	30.000	300.000.000	1,429		
32	NGUYỄN VĂN NHẬT	Thôn Đoàn Kết, Xã Kim Lan, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	0,714	012745796	
			Tổng số	15.000	150.000.000	0,714		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	--	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: DƯƠNG PHÚC TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 06/05/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: B2734807

Ngày cấp: 13/02/2009

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 1-Long Phú, Xã Hòa Thạch, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 1-Long Phú, Xã Hòa Thạch, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội